

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 39/2026/HS-ST

Ngày 09 - 2 - 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thảo

Các hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Văn Tuyển

Ông Vũ Văn Tu

- Thư ký phiên tòa: Bà Ninh Thị Thanh Phương - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:
Bà Thiều Thị Lan Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 15/2026/TLST- HS ngày 14 tháng 01 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2026/QĐXXST - HS ngày 26 tháng 01 năm 2026 đối với các bị cáo:

1. Đinh Thanh T, sinh năm 1983 tại Ninh Bình; số CCCD: 036083021372, cấp ngày 16/12/2021, nơi cấp Cục CSQLHC về TTXH - Bộ C4; nơi cư trú: số B T, phường N, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; là đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định số 01-QĐ/UBKTĐU ngày 15/8/2025 của Ủy ban kiểm tra Đảng ủy xã C; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh Văn L và bà Trần Thị L1; có vợ Nguyễn Thị Kim H và 02 con; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 27/6/2025 đến ngày 21/11/2025 được thay thế biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh (có mặt).

2. Phạm Văn T1, sinh năm 1985 tại Ninh Bình; số CCCD: 036085004781, cấp ngày 22/4/2025, nơi cấp Cục CSQLHC về TTXH - Bộ C4; nơi cư trú: 7 T, phường T, tỉnh Ninh Bình (nơi ĐKKHTT: thôn R, xã N, tỉnh Ninh Bình); nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; là đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định số 04-QĐ/UBKTĐU ngày 20/10/2025 của Ủy ban kiểm tra Đảng ủy xã C; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T2 (đã chết) và bà Phạm Thị Y; có vợ Trần Thị H1 và 02 con; tiền án, tiền sự:

không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cầm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

3. Nguyễn Tư H2, sinh năm 1981 tại Ninh Bình; số CCCD: 036081004640, cấp ngày 10/8/2021, nơi cấp Cục CSQLHC về TTXH - Bộ C4; nơi cư trú: tổ dân phố Đ, xã C, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân H3 và bà Dương Thị S (đã chết); có vợ Vy Thị H4 và 02 con; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 27/6/2025 đến ngày 21/11/2025 được thay thế biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh (có mặt).

4. Nguyễn Xuân N, sinh năm 1962 tại Ninh Bình; số CCCD: 036062002408, cấp ngày 10/8/2021, nơi cấp Cục CSQLHC về TTXH - Bộ C4; nơi cư trú: tổ T, xã C, tỉnh Ninh Bình (nơi ĐKKTT: thôn Đ, xã C, tỉnh Ninh Bình); nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 2/10; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân T3 (đã chết) và bà Vũ Thị H5; có vợ Vũ Thị T4 và 02 con; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 29/6/2025 đến ngày 21/11/2025 được thay thế biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh (có mặt).

- Bị hại:

1. Đặng Thị T5, sinh năm 1970; nơi cư trú: xóm P, xã N, tỉnh Ninh Bình.
2. Bùi Thị V, sinh năm 1992; nơi cư trú: xóm A, xã C, tỉnh Ninh Bình.
3. Vũ Ninh C, sinh năm 1992; nơi cư trú: thôn T, xã T, tỉnh Ninh Bình.
4. Nguyễn Thị T6, sinh năm 1995; nơi cư trú: thôn H, xã N, tỉnh Ninh Bình.
5. Dương Thị L2, sinh năm 1973; nơi cư trú: xóm M, xã C, tỉnh Ninh Bình.
6. Đặng Thị Q, sinh năm 1972; nơi cư trú: TDP T, xã C, tỉnh Ninh Bình.
7. Nguyễn Văn C1, sinh năm 1978; nơi cư trú: thôn T, xã V, tỉnh Hưng Yên.
8. Mai Thị L3, sinh năm 1961; nơi cư trú: đội F, xã N, tỉnh Ninh Bình.
9. Đàm Thị X, sinh năm 1962; nơi cư trú: thôn M, xã C, tỉnh Ninh Bình.
10. Lương Thị M, sinh năm 1996; nơi cư trú: xóm D, xã X, tỉnh Ninh Bình.
11. Nguyễn Thị H6, sinh năm 1970; nơi cư trú: TDP L, xã G, tỉnh Ninh Bình.
12. Lương Thị C2, sinh năm 1975; nơi cư trú: xóm H, xã G, tỉnh Ninh Bình.
13. Trần Thị T7, sinh năm 1986; nơi cư trú: thôn P, xã N, tỉnh Ninh Bình.
14. Dương Thị T8, sinh năm 1963; nơi cư trú: thôn V, xã C, tỉnh Ninh Bình.
15. Nguyễn Thị C3, sinh năm 1976; nơi cư trú: thôn P, xã C, tỉnh Ninh Bình.
16. Nguyễn Thị T9, sinh năm 1985; nơi cư trú: thôn A, xã X, tỉnh Ninh Bình.

17. Vũ Thị T10, sinh năm 1973; nơi cư trú: TDP S, xã C, tỉnh Ninh Bình.
18. Lương Thị H7, sinh năm 1983; nơi cư trú: thôn Đ, xã C, tỉnh Ninh Bình.
19. Nguyễn Thị H8, sinh năm 1960; nơi cư trú: thôn T, xã T, tỉnh Nam Định (cũ).
20. Phạm Thị H9, sinh năm 1962; nơi cư trú: thôn T, xã C, tỉnh Ninh Bình.
21. Trần Thị M1, sinh năm 1972; nơi cư trú: thôn T, xã C, tỉnh Ninh Bình.
22. Trần Thị S1, sinh năm 1962; nơi cư trú: xóm M, xã C, tỉnh Ninh Bình.
23. Nguyễn Thị B, sinh năm 1985; nơi cư trú: xóm B, xã N, tỉnh Ninh Bình.
24. Nguyễn Thị Q1, sinh năm 1958; nơi cư trú: thôn T, xã C, tỉnh Ninh Bình.
25. Bùi Thị N1, sinh năm 1984; nơi cư trú: TDP T, xã C, tỉnh Ninh Bình.
26. Phạm Thị B1, sinh năm 1966; nơi cư trú: xóm N, xã N, tỉnh Ninh Bình.
27. Trần Thị D, sinh năm 1959; nơi cư trú: thôn T, xã C, tỉnh Ninh Bình.
28. Vũ Thị P, sinh năm 1989; nơi cư trú: đội A, xã N, tỉnh Ninh Bình.
29. Nguyễn Thị H10, sinh năm 1985; nơi cư trú: TDP L, phường H, tỉnh Ninh Bình.
30. Lưu Thị T11, sinh năm 1972; nơi cư trú: thôn T, xã C, tỉnh Ninh Bình.
31. Đỗ Thị X1, sinh năm 1963; nơi cư trú: thôn P, xã N, tỉnh Ninh Bình.
32. Nguyễn Thị B2, sinh năm 1971; nơi cư trú: thôn H, xã N, tỉnh Ninh Bình.
33. Vũ Thị B3, sinh năm 1983; nơi cư trú: thôn T, xã C, tỉnh Ninh Bình.
34. Phạm Thị L4, sinh năm 1985; nơi cư trú: thôn H, xã N, tỉnh Ninh Bình.
35. Đinh Thị H11, sinh năm 1961; nơi cư trú: thôn L, xã N, tỉnh Ninh Bình.
36. Phạm Thị M2, sinh năm 1961; nơi cư trú: thôn H, xã N, tỉnh Ninh Bình.
37. Nguyễn Thị H12, sinh năm 1979; nơi cư trú: đội A, xã N, tỉnh Ninh Bình.
38. Nguyễn Thị H13, sinh năm 1996; nơi cư trú: xóm T, xã C, tỉnh Ninh Bình.
39. Đinh Thị H14, sinh năm 1991; nơi cư trú: xóm Đ, xã N, tỉnh Ninh Bình.
40. Triệu Thị T12, sinh năm 1991; nơi cư trú: (TDP N, TT Cổ Lễ cũ) nay là TDP N, xã C, tỉnh Ninh Bình.
41. Mai Thị T13, sinh năm 1963; nơi cư trú: Đ, xã N, tỉnh Ninh Bình.
42. Phạm Thị V1, sinh năm 1957; nơi cư trú: xóm V, xã N, tỉnh Ninh Bình.
43. Đỗ Thị T14, sinh năm 1970; nơi cư trú: xóm T, xã N, Đ, xã N, tỉnh Ninh Bình.
44. Vũ Thị V2, sinh năm 1957; nơi cư trú: xóm H, xã N, tỉnh Ninh Bình.

45. Nguyễn Thị N2, sinh năm 1986; nơi cư trú: xóm L, xã N, tỉnh Ninh Bình.
46. Trần Thị T15, sinh năm 1964; nơi cư trú: xóm H, xã N, tỉnh Ninh Bình.
47. Nguyễn Thị H15, sinh năm 1977; nơi cư trú: xóm G, xã N, tỉnh Ninh Bình.
48. Nguyễn Thị A, sinh năm 1979; nơi cư trú: xã C, tỉnh Ninh Bình (địa chỉ cũ là xã T, T, tỉnh Nam Định).
49. Nguyễn Thị T16, sinh năm 1970; nơi cư trú: TDP N, xã C, tỉnh Ninh Bình.
50. Nguyễn Thị N3, sinh năm 1965; nơi cư trú: thôn A, xã N, tỉnh Ninh Bình.
51. Ninh Thị M3, sinh năm 1975; nơi cư trú: thôn B, xã C, tỉnh Ninh Bình.
52. Trần Thị H16, sinh năm 1976; nơi cư trú: TDP T, xã C, tỉnh Ninh Bình.
53. Nguyễn Thị H17, sinh năm 1958; nơi cư trú: thôn S, xã N, tỉnh Ninh Bình.
54. Trịnh Thị V3, sinh năm 1972; nơi cư trú: xóm T, xã C, tỉnh Ninh Bình.
55. Vũ Thị Thu H18, sinh năm 1999; nơi cư trú: xóm T, xã C, tỉnh Ninh Bình.
56. Ninh Thị T17, sinh năm 1981; nơi cư trú: thôn N, xã C, tỉnh Ninh Bình.
57. Tống Thị H19, sinh năm 1982; nơi cư trú: xóm C, xã N, tỉnh Ninh Bình.
58. Nguyễn Thị X2, sinh năm 1985; nơi cư trú: thôn Đ, xã C, tỉnh Ninh Bình.
(có mặt chị Dương Thị L2, vắng mặt 57 bị hại)
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*
1. Anh Đỗ Quốc Đ, sinh năm 1994; nơi cư trú: xóm C, xã N, tỉnh Ninh Bình.
2. Anh Nguyễn Xuân T18, sinh năm 1987; nơi cư trú: thôn T, xã C, tỉnh Ninh Bình.
(đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 8/2022, Đinh Thanh T khi đó là Trưởng Công an thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định (nay là xã C, tỉnh Ninh Bình) đã cùng Phạm Văn T1 khi đó là Phó trưởng Công an thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định và Nguyễn Tư H2 là Công an viên thường trực thuộc UBND thị trấn C cùng bàn bạc để đi thu tiền của những người bán hàng trước cổng Công ty TNHH A2 (Công ty A2)

nằm trên địa phận tổ dân phố S, thị trấn C dưới danh nghĩa thu tiền "phí vệ sinh môi trường". T và T1 bàn bạc với nhau về việc xin ý kiến, chủ trương của Đảng ủy, Ủy ban thị trấn C và thống nhất T là người xin ý kiến.

Khoảng tháng 8/2022, Đinh Thanh T và Phạm Văn T1 gọi Nguyễn Xuân N và Nguyễn Tư H2 đến phòng làm việc riêng của T tại UBND thị trấn C. T và T1 nói cho N và H2 biết về việc sẽ thu tiền phí "vệ sinh môi trường" của những người bán hàng trước cổng Công ty A2 và giao việc đi thu tiền cho N và H2, cả hai đồng ý. Để hợp thức hóa việc thu tiền phí vệ sinh môi trường, tất cả bàn bạc, thống nhất về việc T liên hệ với "Công ty môi trường" để nhờ giúp đi thu gom rác, từ đó những người bán hàng sẽ chấp hành nộp tiền. T đồng ý và gặp trực tiếp anh Nguyễn Xuân T18, sinh năm: 1987; trú tại: thôn T, xã C, tỉnh Ninh Bình là Giám đốc Công ty TNHH M4, nhờ anh T18 đang hoạt động thu gom rác thải của Công ty A2 thì thu gom rác thải phát sinh của những người bán hàng phía ngoài cổng Công ty. T không nói cụ thể cho anh T18 biết về việc đi thu tiền phí vệ sinh môi trường của những người bán hàng mà chỉ nhờ anh Trung thu G rác hộ, hàng tháng T sẽ hỗ trợ thêm tiền xăng dầu cho Công ty, anh T18 đồng ý.

Từ tháng 9/2022, T và T1 triển khai cho N và H2 đi thu tiền "phí vệ sinh môi trường" của những người bán hàng với khung giờ từ 16 giờ đến 19 giờ các ngày từ thứ hai đến thứ bảy (chủ nhật công nhân nghỉ làm, những người bán hàng không đến bán hàng nên không đi thu tiền). N và H2 trực tiếp đi thu tiền của những người bán hàng, thời gian đầu T1 đi cùng vừa làm công tác đảm bảo an ninh trật tự, vừa quan sát việc N và H2 thu tiền. Cuối ngày, T1 cùng H2 và N mang số tiền vừa thu được của những người bán hàng về trụ sở, ngồi tại phòng trực của Công an thị trấn C kiểm đếm số tiền thu được, sau khi kiểm đếm T1 là người trực tiếp quản lý số tiền.

Từ tháng 9/2022 đến tháng 10/2022, T1 trực tiếp kiểm đếm tổng số tiền thu của những người bán hàng được khoảng 7.500.000 đồng. Thợ chia cho N, H2 và T1 mỗi người 1.000.000 đồng là tiền công đi thu tiền hàng ngày, còn lại 4.500.000 đồng T1 chuyển lại cho T dưới hình thức đưa tiền mặt để hỗ trợ tiền xăng dầu cho "Công ty môi trường" và phần của T. Sau khi nhận tiền từ T1, T đưa cho anh Nguyễn Xuân T18 số tiền 1.000.000 đồng nói là tiền hỗ trợ xăng dầu cho Công ty của anh T18 vì đã giúp thu gom rác thải phát sinh của những người bán hàng trước Công ty A2 và không nói nguồn gốc số tiền này. Anh T18 nhận và đề nghị T không cần đưa tiền cho T18 nữa mà anh T18 vẫn đồng ý thu gom rác hộ, số tiền còn lại T chi tiêu cá nhân.

Từ tháng 11/2022, T1 không trực tiếp đi cùng N và H2 khi thu tiền, giao cho H2 quản lý số tiền thu được. Thống nhất vào cuối buổi chiều ngày dương lịch cuối tháng, H2 sẽ mang tiền về phòng trực của Công an thị trấn để T1, H2 và N cùng đếm. Do tổng số tiền thu được của những người bán hàng mỗi tháng chỉ được khoảng 5.000.000 đồng nên cuối mỗi tháng, T1 chia cho N, H2 và T1 mỗi người từ 800.000 đồng đến 1.000.000 đồng, còn lại khoảng 2.500.000 đồng thì T1 trực tiếp chuyển cho T. Đến tháng 12/ 2023, T1 chuyển công tác và giữ chức vụ Phó trưởng Công an xã V, huyện T, tỉnh Nam Định cũ nên không tham gia việc thu tiền của những người bán hàng nữa.

Từ cuối năm 2023 đến hết tháng 2/2024, do những người bán hàng nghỉ Tết hoặc đi bán với số lượng người ít nên T không cho N và H2 đi thu tiền. Từ tháng 3/2024, T chỉ đạo H2 và N tiếp tục đi thu tiền của những người bán hàng trước khu vực cổng Công ty A2. Hàng tháng, H2 vẫn trực tiếp quản lý số tiền thu được và báo lại tổng số tiền thu của những người bán hàng vào ngày dương lịch cuối tháng. Do mỗi tháng thu được khoảng từ 4.000.000 đồng đến 4.500.000 đồng nên H2 và N chia nhau mỗi tháng hưởng lợi từ 800.000 đồng đến 1.000.000 đồng, còn lại H2 chuyển cho T từ 1.500.000 đồng đến 2.500.000 đồng bằng hình thức đưa tiền mặt trực tiếp. Từ ngày 08/9/2024 đến ngày 01/4/2025, H2 chuyển phần tiền của T bằng hình thức chuyển khoản ngân hàng 07 lần với tổng số tiền 16.250.000 đồng.

Đến khoảng đầu tháng 4/2025 anh Đỗ Quốc Đ, sinh năm 1994; trú tại: xóm C Đ, xã N, tỉnh Ninh Bình tố cáo đến Công an huyện T, tỉnh Nam Định cũ về hành vi của T thu tiền của những người bán hàng tại khu vực trước cổng Công ty A2.

Cơ quan CSĐT đã tiến hành làm việc với 60 người bán hàng tại khu vực trước cổng Công ty A2 xác định: Từ tháng 9/2022 đến tháng 4/2025, N và H2 đã thu tiền phí vệ sinh môi trường của 58 người, mức tiền thu từ 1.000 đồng đến 10.000 đồng. Tổng số tiền mà N và H2 đã thu của 58 người là 82.869.000 đồng; còn 01 người từ chối nộp tiền là chị Vũ Thị Kim A1, sinh năm: 1986, trú tại: thôn Đ, xã C, tỉnh Ninh Bình (bán hoa quả) và 01 người chỉ thỉnh thoảng đến bán hàng tại đây, không xác định được số tiền đã nộp là bao nhiêu và không có đề nghị gì về việc bị thu tiền là anh Đào Văn B4, sinh năm: 1987, trú tại: thôn T, xã N, tỉnh Ninh Bình (bán quần áo).

Tiến hành khám xét tại nơi ở của Đinh Thanh T, Nguyễn Tư H2, Nguyễn Xuân N không thu giữ tài liệu gì (BL 88, 177, 250).

Tiến hành xác minh tại ngân hàng N4 (A3) xác định số tài khoản 3215205412714 mang tên Nguyễn Tư H2. Căn cứ dữ liệu sao kê số tài khoản 3215205412714 xác định từ ngày 08/9/2024 đến ngày 01/4/2025, H2 chuyển 07 lần tiền đến số tài khoản 001371539999 mang tên Đinh Thanh T mở tại Ngân hàng TMCP L6 (L7) với tổng số tiền 16.250.000 đồng (mười sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

*** Việc thu giữ, tạm giữ đồ vật, tài liệu và việc xử lý vật chứng:**

Ngày 12/6/2025, anh Nguyễn Xuân T18 tự nguyện nộp khắc phục hậu quả số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng). Ngày 17/9/2025, Phạm Văn T1 tự nguyện nộp khắc phục hậu quả số tiền 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng). Toàn bộ số tiền trên, Cơ quan điều tra đã nhập vào tài khoản tạm giữ số 3949.0.9044007.00000 của là Công an tỉnh N mở tại Kho bạc Nhà nước khu vực V.

***Trách nhiệm dân sự:** 58 người bán hàng đã bị các bị can thu với tổng số tiền 82.869.000 đồng đều có yêu cầu trả lại. Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự yêu cầu các bị can phải khắc phục thiệt hại là 82.869.000 đồng (tám mươi hai triệu tám trăm sáu mươi chín nghìn đồng) cho 58 người bán hàng trên.

Quá trình điều tra, Đinh Thanh T, Phạm Văn T1, Nguyễn Tư H2 và Nguyễn Xuân N đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên.

Tại bản cáo trạng số 85/CT-VKSP3 ngày 12 tháng 01 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình đã truy tố Đinh Thanh T, Phạm Văn T1, Nguyễn Tư H20, Nguyễn Xuân N về tội: “*Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản*” theo khoản 1 và khoản 5 Điều 355 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình giữ nguyên quan điểm truy tố như Bản cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Đinh Thanh T, Phạm Văn T1, Nguyễn Tư H2 và Nguyễn Xuân N phạm tội "Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản"

Áp dụng khoản 1 Điều 355; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 BLHS xử phạt Đinh Thanh T từ 18 tháng tù đến 21 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 36 tháng đến 42 tháng. Bị cáo bị tạm giam từ 27/6/2025 đến ngày 21/11/2025.

Áp dụng khoản 1 Điều 355; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 BLHS xử phạt Phạm Văn T1 từ 15 tháng tù đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 tháng đến 36 tháng.

Áp dụng khoản 1 Điều 355; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 BLHS xử phạt các bị cáo Nguyễn Xuân N, Nguyễn Tư H2 từ 15 tháng tù đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 tháng đến 36 tháng. Bị cáo H2 bị tạm giam từ ngày 27/6/2025 đến ngày 21/11/2025. Bị cáo N bị tạm giam từ ngày 29/6/2025 đến ngày 21/11/2025.

Hình phạt bổ sung: không áp dụng đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 BLHS yêu cầu các bị cáo khắc phục phần thiệt hại do hành vi phạm tội của từng bị cáo gây ra.

Cụ thể: tổng số tiền các bị cáo đã chiếm hưởng là 82.869.000đồng.

Bị cáo T đã đưa cho anh Nguyễn Xuân T18 nộp khắc phục thiệt hại tại giai đoạn điều tra là 15 triệu đồng, giai đoạn chuẩn bị xét xử bị cáo T nộp số tiền 25 triệu đồng để khắc phục thiệt hại. Tổng số tiền bị cáo T đã nộp khắc phục là 40 triệu đồng. Từ tháng 9/2022 đến tháng 10/2022 mỗi tháng bị cáo chiếm hưởng 4,5 triệu đồng; tháng 11/2022 đến tháng 12/2023 mỗi tháng từ 2 triệu đồng đến 2,5 triệu đồng; từ tháng 03/2024 đến tháng 8/2024 mỗi tháng từ 1,3 triệu đồng đến 1,5 triệu đồng; từ tháng 9/2024 đến 01/4/2025 bị cáo T nhận chuyển khoản từ H2 tổng số tiền 16.250.000đồng; các tháng tết (tháng 01, 02/2022; tháng 01,02/2024), và tháng 12/2023 đến tháng 02/2024 các bị cáo không thu tiền nên tổng số tiền bị cáo T đã chiếm hưởng là 35.869.000 đồng. Bị cáo đã nộp 40 triệu đồng do đó đề nghị HĐXX trả lại cho bị cáo số tiền thừa bị cáo đã nộp.

Bị cáo Phạm Văn T1 tại giai đoạn điều tra đã khắc phục thiệt hại số tiền 7 triệu đồng. Từ tháng 9/2022 đến tháng 10/2022 mỗi tháng bị cáo chiếm hưởng 1 triệu đồng; tháng 11/2022 đến tháng 11/2023 bị cáo chiếm hưởng mỗi tháng 800.000đồng đến 1 triệu đồng trừ tháng 01, 02/2023 nghỉ tết. Đến tháng 12/2023

bị cáo chuyên công tác. Tổng số tiền bị cáo chiếm hưởng là 11 triệu đồng. Bị cáo đã khắc phục 7 triệu đồng như vậy bị cáo còn phải khắc phục số tiền 4 triệu đồng.

Bị cáo Nguyễn Tư H2 và Nguyễn Xuân N tại giai đoạn chuẩn bị xét xử mỗi bị cáo đã khắc phục 10 triệu đồng. Từ tháng 9/2022 đến tháng 10/2022 mỗi tháng mỗi bị cáo được 1 triệu đồng; từ tháng 11/2022 đến tháng 12/2023 (trừ tháng 12/2022 và tháng 01, 02/2023 nghỉ tết) và tháng 3/2024 đến 01/4/2025 (trừ tháng 12/2023, tháng 01, tháng 02/2025 nghỉ) mỗi tháng mỗi bị cáo chiếm hưởng 800.000 đồng đến 1 triệu đồng. Tổng số tiền mỗi bị cáo chiếm hưởng 18 triệu đồng. Mỗi bị cáo đã nộp 10 triệu đồng khắc phục đề nghị HĐXX yêu cầu các bị cáo nộp bổ sung số tiền 8 triệu đồng mỗi bị cáo.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo rất ân hận về hành vi của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo Đinh Thanh T, Phạm Văn T1, Nguyễn Tư H2, Nguyễn Xuân N tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của các bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để kết luận: Từ năm 2022 đến tháng 4/2025, lợi dụng việc được UBND thị trấn C giao nhiệm vụ đảm bảo an ninh trật tự tại địa phương, Đinh Thanh T cùng bàn bạc với Phạm Văn T1 và Nguyễn Tư H2 đi thu tiền của những người bán hàng dưới danh nghĩa tiền "phí vệ sinh môi trường". Biết việc này vượt quá thẩm quyền của Công an thị trấn C, để hợp thức hóa việc thu tiền, T đã trực tiếp liên hệ nhờ anh Nguyễn Xuân T18 là Giám đốc Công ty TNHH M4 giúp thu gom rác thải phát sinh của những người bán hàng trước cổng Công ty A2. Sau khi anh T18 đồng ý, T thống nhất với T1 giao Nguyễn Xuân N và Nguyễn Tư H2 là Công an viên thường trực trực tiếp hàng ngày đi thu tiền của những người bán hàng. Theo chỉ đạo của T và T1, Nguyễn Xuân N và Nguyễn Tư H2 hàng ngày đã đi thu tiền của những người bán hàng với mức thu từ 1.000 đồng đến 10.000 đồng, tùy vào từng người bán hàng. Tổng số tiền thu được của 58 người bán

hàng là 82.869.000 đồng, các bị cáo đã sử dụng để chia nhau. Hành vi nêu trên của các bị cáo đã phạm tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 355 Bộ luật Hình sự.

Điều 355. Tội lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản:

“1. Người nào lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 01 năm đến 06 năm:

.....

5. Người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm, có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.”

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình đã truy tố đối với các bị cáo Đinh Thanh T, Phạm Văn T1, Nguyễn Tư H2, Nguyễn Xuân N là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm hoạt động đúng đắn của cơ quan quản lý Nhà nước, làm mất uy tín, mất lòng tin của nhân dân vào các cơ quan Nhà nước. Trong khi Đảng, Nhà nước và nhân dân đang nỗ lực bằng mọi biện pháp nhằm phát giác, đấu tranh đẩy lùi sự suy thoái, tiêu cực tham nhũng với cương vị của mình hơn ai hết các bị cáo phải hiểu rõ và có trách nhiệm quản lý, lãnh đạo địa phương thực hiện đúng đường lối chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước. Nhưng các bị cáo lại làm trái quy định của pháp luật, vượt quá quyền hạn của mình để chiếm đoạt tài sản của người khác, gây bức xúc trong dư luận cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân; do đó cần phải xử lý nghiêm minh trước pháp luật để giáo dục, cải tạo các bị cáo và góp phần phòng ngừa chung.

[4] Khi quyết định hình phạt cần xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự vị trí, vai trò và nhân thân của từng bị cáo để cá thể hóa hình phạt cho phù hợp với quy định của pháp luật. Bị cáo Đinh Thanh T là người đang giữ chức vụ Trưởng Công an xã C đã thống nhất với Phạm Văn T1 giữ chức vụ phó Trưởng Công an xã C và giao việc trực tiếp hàng ngày đi thu tiền của những người bán hàng cho N và H2 là công an viên thường trực xã C, nên bị cáo T là người giữ vai trò thứ nhất trong vụ án, tiếp đến là các bị cáo Phạm Văn T1, Nguyễn Tư H2 và Nguyễn Xuân N.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân; sau khi thực hiện hành vi phạm tội đều đã tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền chiếm đoạt để khắc phục hậu quả; tại phiên tòa bị hại là bà Dương Thị L2 xin giảm nhẹ hình

phạt cho các bị cáo nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Đinh Thanh T có thành tích xuất sắc trong chiến đấu, được Bộ trưởng Bộ C4 tặng 02 bằng khen (ngày 06/5/2014 và ngày 23/12/2024) và được công nhận danh hiệu chiến sỹ thi đua 07 năm (các năm 2012, 2013, 2014, 2018, 2022, 2023 và 2025) nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự

Bị cáo Phạm Văn T1 quá trình công tác được Chủ tịch nước tặng Huy chương chiến sỹ vẻ vang năm 2014; có mẹ là bà Phạm Thị Y được Bộ Trưởng bộ Y1 tặng kỷ niệm chương vì sự nghiệp dân số và Huy chương vì sức khỏe nhân dân; có đơn xin giảm nhẹ hình phạt của bị hại chị Tống Thị H19, anh Phạm Đình H21 đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm v khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Nguyễn Tư H2 có bà nội là bà Dương Thị T19 được Nhà nước truy tặng bà mẹ Việt Nam anh hùng, bị cáo được Chủ tịch UBND huyện T tặng giấy khen đã có thành tích xuất sắc trong phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc” năm 2021, đây là tình tiết giảm nhẹ tại định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Do các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đều có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà cho các bị cáo cải tạo tại địa phương dưới sự giám sát của chính quyền địa phương cũng đủ điều kiện giáo dục, cải tạo các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội, thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

Về hình phạt bổ sung: Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo đều không còn được làm trong ngành, hoàn cảnh gia đình các bị cáo hiện tại khó khăn nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5] Về phần trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo phải trả lại số tiền 82.869.000 đồng cho 58 bị hại, cụ thể: Quá trình điều tra xác định tổng số tiền bị cáo T đã chiếm hưởng là 35.869.000 đồng. Bị cáo T đã đưa cho anh Nguyễn Xuân T18 nộp khắc phục thiệt hại tại giai đoạn điều tra là 15.000.000 đồng, giai đoạn chuẩn bị xét xử bị cáo T nộp số tiền 25.000.000 đồng. Tổng số tiền bị cáo T đã nộp khắc phục là 40.000.000 đồng. Đối trừ số tiền bị cáo đã chiếm đoạt của các bị hại, số còn lại cần trả lại cho bị cáo T.

Bị cáo Phạm Văn T1 chiếm hưởng là 11.000.000 đồng. Bị cáo đã khắc phục 7.000.000 đồng, bị cáo còn phải nộp lại số tiền còn thiếu là 4.000.000 đồng.

Bị cáo Nguyễn Tư H2 và Nguyễn Xuân N mỗi bị cáo chiếm hưởng 18.000.000 đồng, mỗi bị cáo đã nộp lại 10.000.000 đồng. Các bị cáo còn phải nộp tiếp mỗi người số tiền 8 triệu đồng.

Ghi nhận bị cáo Đinh Thanh T nộp số tiền 25.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0000414 ngày 30/01/2026; bị cáo Nguyễn Tư H2 nộp số tiền 10.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0000442 ngày 03/02/2026; bị cáo Nguyễn Xuân N nộp số tiền 10.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0000400 ngày 29/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình để khắc phục hậu quả.

Ghi nhận việc bị cáo Phạm Văn T1 nộp số tiền 7.000.000 đồng; anh Nguyễn Xuân T18 đã nộp lại số tiền 15.000.000 đồng do bị cáo Đinh Thanh T đã đưa cho anh T18 để đối trừ với phần trách nhiệm dân sự cho bị cáo Đinh Thanh T trong quá trình thi hành án (số tiền trên đang quản lý tại Ủy nhiệm chi số 37 lập ngày 27/01/2026 tại Kho bạc nhà nước Khu vực V, đơn vị nhận tiền Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình, tài khoản: 3949.0.1054125.00000).

[6] Các tình tiết khác liên quan đến vụ án:

Quá trình điều tra bị cáo T khai: T gặp trực tiếp ông Dương Văn H22, sinh năm 1977, trú tại: thôn V, xã C, tỉnh Ninh Bình khi đó là Bí thư Đảng ủy thị trấn C và ông Nguyễn Quang T20, sinh năm 1975, trú tại: số D đường H, xã C, tỉnh Ninh Bình khi đó là Chủ tịch UBND thị trấn C và hỏi ông H22, ông T20 về việc có thu tiền, lệ phí gì tại khu vực "chợ" trước cổng Công ty A2. Ông H22 và ông T20 đều cho rằng: đây là khu chợ T24, do nhiều người dân tụ tập lại để bán hàng nên không tổ chức thu lệ phí theo quy định. T khai có đề nghị ông H22 và ông T20 tạo điều kiện để "vận dụng" thu tiền "phí vệ sinh môi trường". Ông H22 và ông T20 không nêu ý kiến cụ thể mà chỉ nói trao đổi với Công ty M4 để Công ty M4 phối hợp thu gom rác cho bà con. T hiểu ông H22 và ông T20 đồng ý, tạo điều kiện. Cơ quan điều tra đã tiến hành làm việc với ông Dương Văn H22 và ông Nguyễn Quang T20, kết quả ông H22 và ông T20 đều khẳng định khu vực "chợ" trước cổng Công ty A2 là khu vực chợ T24, đã nhiều lần Đảng ủy, UBND thị trấn C chỉ đạo Công an thị trấn C dẹp chợ, không cho người dân tụ tập bán hàng tại đây. Ngoài ra, ông H22 và ông T20 đều khẳng định Đinh Thanh T không xin ý kiến chỉ đạo như nội dung lời khai của T. Cơ quan CSĐT đã tiến hành cho Đinh Thanh T đối chất với ông Nguyễn Quang T20 và ông Dương Văn H22, kết quả bị cáo T, ông T20 và ông H22 vẫn giữ nguyên lời khai của bản thân. Do đó, không có căn cứ để xử lý đối với ông T20 và ông H22.

Đối với hành vi ban đầu Đinh Thanh T nhờ Nguyễn Xuân T18 khai sai sự thật về việc khoảng đầu năm 2024 anh T18 đứng ra nhờ T phân công Nguyễn và H2 đi thu tiền phí vệ sinh môi trường của những người bán hàng trước cổng Công ty A2 cho Công ty của T18 và nhờ T nhận tiền, chuyển lại hàng tháng cho anh T18 mỗi tháng từ 1.500.000 đồng đến 2.500.000 đồng dưới hình thức nhận tiền mặt trực tiếp, không qua tài khoản ngân hàng nhằm mục đích để T tránh trách nhiệm, anh T18 đồng ý. Đồng thời T có đưa cho anh T18 15 triệu đồng để nộp cho cơ quan điều tra với mục đích khắc phục thiệt hại. Hành vi trên của T có dấu hiệu của tội “Mua chuộc hoặc cưỡng ép người khác trong việc khai báo,

cung cấp tài liệu” quy định tại Điều 384 BLHS, tuy nhiên Nguyễn Xuân T18 không phải là người làm chứng, người bị hại trong vụ án và T, anh T18 đều khai không có sự mua chuộc, cưỡng ép giữa T18 và T. Đối với việc anh T18 khai báo gian dối có dấu hiệu của tội “Khai báo gian dối” quy định tại Điều 382 BLHS và tội “Không tố giác tội phạm” quy định tại Điều 390 BLHS, tuy nhiên T18 chỉ là người liên quan trong vụ án và hành vi phạm tội của T cùng các bị cáo thuộc khoản 1 Điều 355 BLHS nên không đủ yếu tố cấu thành tội phạm quy định Điều 382 và Điều 390 BLHS. Tuy nhiên, quá trình điều tra T và T18 đã nhận thức được sai phạm của mình và thành khẩn khai báo. Do đó, Cơ quan điều tra không xem xét xử lý đối với T và T18 về hành vi này.

Ngoài ra, trong quá trình điều tra, anh Đỗ Quốc Đ còn tố cáo Đinh Thanh T có các hành vi sau, quá trình điều tra xác định:

Đối với nội dung: Khoảng tháng 3/2024, anh Đ mở quán bán nước trên vỉa hè trước công nghĩa trang L8 thị trấn C, huyện T. Trong quá trình bán nước tại đây, có một thanh niên khoảng 20 tuổi, ở thôn T hút ma túy “cỏ” bằng điếu cày ở quán nước của anh Đ bị say, phê “cỏ” gục tại quán nước của anh Đ. Anh Đ đã báo cho T biết. Sau đó, nam thanh niên này được Công an thị trấn C đưa về trụ sở để làm việc, anh Đ đi lên cùng thì chứng kiến T tát thanh niên này 02 cái rồi kiểm tra trong người thanh niên này phát hiện 02 gói ma túy “cỏ” đựng trong túi dạng túi Zip màu trắng, sau đó T yêu cầu anh Đ ra về. Khoảng 30 phút sau, nam thanh niên này quay lại quán nước của anh Đ và nói cho anh Đ biết về việc bị Công an thị trấn C phạt số tiền 18.000.000 đồng. Quá trình điều tra đã tiến hành làm việc với các đồng chí Mai Quang T21, Trịnh Hoàng H23 và Trần Ngọc V4 - Nguyên cán bộ Công an thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định cũ. xác định: T tiến hành nhắc nhở nam thanh niên này rồi cho về, không tiến hành xử lý hoặc lập biên bản gì nên không có thông tin của nam thanh niên này; không có việc nhận tiền như trên, Anh Đ cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì. Do đó, không đặt vấn đề xử lý đối với nội dung này.

Đối với nội dung: anh Đ tố cáo T trong quá trình giữ chức vụ Trưởng Công an thị trấn C đã bao che, bảo kê cho vợ chồng đối tượng T23 (có bố tên T22), vợ là Á nhà ở gần nhà máy nước thị trấn C bán trái phép chất ma túy trên địa bàn. Căn cứ lời khai của Đinh Thanh T, Phạm Văn T1 xác định: Nguyễn Văn T23 là đối tượng đã có tiền án về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, là đối tượng trong diện quản lý nghiệp vụ của Công an thị trấn C nên thường gọi hỏi, răn đe. Lời khai của T và T1 phù hợp với lời khai của Nguyễn Văn T23, sinh năm: 1991; chỗ ở: xã C, tỉnh Ninh Bình nên không có căn cứ xử lý.

Đối với nội dung: Khoảng giữa năm 2022, chị Bùi Thị Thu H24 - vợ của anh Đ, có xảy ra mâu thuẫn, xô sát với chị Đặng Thị L5, sinh năm: 1989; Trú tại: xã N, huyện N, tỉnh Nam Định (nay là xã N, tỉnh Ninh Bình). Quá trình xô sát, L5 dùng chìa khóa xe máy đâm vào đầu H24 khoảng 2 - 3 lần khiến H24 bị thương, chảy máu ở vùng đầu. Sau đó, chị H24 đến Công an thị trấn C để trình báo rồi anh Đ đưa chị H24 đến Bệnh viện Đa khoa tỉnh N để điều trị. Khoảng 10 ngày sau, chị H24 xuất viện và được T mời lên trụ sở giải quyết vụ việc, T làm việc đồng thời với chị H24 và chị L5, anh Đ không được tham gia làm việc. Sau khi làm việc xong, anh Đ được chị H24 thông báo lại là đã hòa giải, chị L5 sẽ bồi

thường 25.000.000 đồng cho chị H24. Cùng ngày, T đề nghị chị H24 bồi dưỡng tiền, chị H24 đưa phong bì bên trong có 1.000.000 đồng cho T, T kiểm tra phong bì thì yêu cầu chị H24 đưa thêm tiền nên chị H24 đã đưa thêm 1.000.000 đồng cho T. Căn cứ lời khai của Đinh Thanh T, Phạm Văn T1, chị Bùi Thị Thu H24 và chị Đặng Thị L5 xác định quá trình làm việc với Công an thị trấn C các chị không mất khoản chi phí nào. Do đó, không có việc như anh Đ tố cáo.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 355; các điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 65; (riêng các bị cáo Đinh Thanh T, Phạm Văn T1 được áp dụng thêm điểm v khoản 1 Điều 51) của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: các bị cáo Đinh Thanh T, Phạm Văn T1, Nguyễn Tư H2, Nguyễn Xuân N phạm tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản”.

2. Xử phạt:

2.1. Bị cáo Đinh Thanh T 21 (hai mươi một) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 42 (bốn mươi hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

2.2. Bị cáo Phạm Văn T1 15 (mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 (ba mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

2.3. Bị cáo Nguyễn Tư H2 15 (mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 (ba mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

2.4. Bị cáo Nguyễn Xuân N 15 (mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 (ba mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Đinh Thanh T cho Ủy ban nhân dân phường N, tỉnh Ninh Bình; giao bị cáo Phạm Văn T1 cho Ủy ban nhân dân phường T, tỉnh Ninh Bình; giao các bị cáo Nguyễn Tư H2, Nguyễn Xuân N cho Ủy ban nhân dân xã C, tỉnh Ninh Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Buộc các bị cáo Đinh Thanh T, Phạm Văn T1, Nguyễn Tư H2, Nguyễn Xuân N phải trả lại số tiền 82.869.000 đồng cho 58 người bị hại (có danh sách kèm theo), theo phần:

- Bị cáo Đinh Thanh T phải trả lại cho các bị hại số tiền 35.869.000 đồng, được trừ với số tiền mà anh Nguyễn Xuân T18 đã nộp 15.000.000 đồng và số tiền bị cáo đã nộp 25.000.000 đồng. Số tiền còn lại 4.131.000 đồng trả lại cho bị cáo Đinh Thanh T.

- Bị cáo Phạm Văn T1 phải trả lại cho các bị hại số tiền 11.000.000 đồng, được trừ đi số tiền bị cáo đã nộp 7.000.000 đồng, bị cáo còn phải nộp tiếp số tiền 4.000.000 đồng.

- Bị cáo Nguyễn Tư H2 phải trả lại cho các bị hại số tiền 18.000.000 đồng, được trừ đi số tiền bị cáo đã nộp 10.000.000 đồng, bị cáo còn phải nộp tiếp số tiền 8.000.000 đồng.

- Bị cáo Nguyễn Xuân N phải trả lại cho các bị hại số tiền 18.000.000 đồng, được trừ đi số tiền bị cáo đã nộp 10.000.000 đồng, bị cáo còn phải nộp tiếp số tiền 8.000.000 đồng.

Ghi nhận bị cáo Đinh Thanh T nộp số tiền 25.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0000414 ngày 30/01/2026; bị cáo Nguyễn Tư H2 nộp số tiền 10.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0000442 ngày 03/02/2026; bị cáo Nguyễn Xuân N nộp số tiền 10.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0000400 ngày 29/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình.

Ghi nhận việc bị cáo Phạm Văn T1 nộp số tiền 7.000.000 đồng; anh Nguyễn Xuân T18 đã nộp lại số tiền 15.000.000 đồng do bị cáo Đinh Thanh T đã đưa cho anh T18 để trừ với phần trách nhiệm dân sự cho bị cáo Đinh Thanh T trong quá trình thi hành án (số tiền trên đang quản lý tại Ủy nhiệm chi số 37 lập ngày 27/01/2026 tại Kho bạc nhà nước Khu vực V, đơn vị nhận tiền Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình, tài khoản: 3949.0.1054125.00000).

Tiếp tục quản lý số tiền 22.000.000 đồng do Cơ quan điều tra Công an tỉnh N đã chuyển vào tài khoản của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình tại tài khoản số: 3949.0.1054125.00000 theo Ủy nhiệm chi số 37 lập ngày 27/01/2026 tại Kho bạc Nhà nước Khu vực V để đảm bảo thi hành án cho bị cáo Đinh Thanh T và Phạm Văn T1.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu bên phải thi hành án không trả hết số tiền phải thi hành án, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí: Các bị cáo Đinh Thanh T, Phạm Văn T1, Nguyễn Tư H2, Nguyễn Xuân N mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Án phí dân sự bị cáo Phạm Văn T1 phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng); bị cáo Nguyễn Tư H2 và Nguyễn Xuân N mỗi bị cáo phải nộp 400.000 đồng (bốn trăm nghìn đồng).

Án xử sơ thẩm công khai, các bị cáo, bị hại có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định của Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao (01 bản);
 - VKSND Tối cao (01 bản);
 - VKSND tỉnh Ninh Bình (03 bản);
 - Phòng KTTT và THA (09 bản);
 - Phòng PC03 Công an tỉnh Ninh Bình (01 bản);
 - Phòng HS&NV Công an tỉnh Ninh Bình (01 bản);
 - Phòng PC 10 Công an tỉnh Ninh Bình (01 bản);
 - Bị cáo (01 bản);
 - Bị hại (01 bản);
 - Người có QLNVLQĐVA (01 bản);
 - Lưu hồ sơ (02 bản);
 - Lưu tòa & Tổ hành chính tư pháp (01 bản);
- (Thông báo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú).

**T. M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Bùi Thị Thảo**

